

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 899/QĐ-ĐHM ngày 31 tháng 10 năm 2012 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Mở TPHCM)

- ◆ Tên chương trình : **Tiếng Anh thương mại**
- ◆ Trình độ đào tạo : **Đại học**
- ◆ Ngành đào tạo : **Ngôn ngữ Anh** Mã số: 52220201
- ◆ Loại hình đào tạo : **Chính quy tập trung**
- ◆ Đơn vị đào tạo : **Chương trình Đào tạo Đặc biệt (CTĐTĐB)**

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1 Mục tiêu chung:

Đào tạo những cử nhân Tiếng Anh Thương mại có đủ kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp và có sức khỏe tốt để có thể làm việc hiệu quả trong các lĩnh vực chuyên môn có sử dụng tiếng Anh, đáp ứng được yêu cầu của xã hội và của nền kinh tế trong quá trình hội nhập quốc tế.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

a. Kiến thức chuyên ngành: có kiến thức nền tảng và chuyên sâu về các cấp độ và bình diện của tiếng Anh như ngữ âm, hình thái, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, văn hóa – văn học của các nước thuộc cộng đồng Anh ngữ; kiến thức chuyên ngành nền tảng và nâng cao về thương mại để ứng dụng trong công tác chuyên môn và hội nhập xã hội.

b. Kỹ năng

Kỹ năng ngôn ngữ: Trong quá trình học tập sinh viên có cơ hội học tập đồng bộ 4 kỹ năng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) đặc biệt là nghe -nói thông qua các hoạt động học thuật như câu lạc bộ tiếng Anh, hội thi hùng biện.

Kỹ năng chuyên môn: Đạt chuẩn kỹ năng chung căn bản của ngành tiếng Anh và kỹ năng chuyên sâu của ngành tiếng Anh Thương mại.

c. Thái độ, hành vi

- Có đạo đức nghề nghiệp (trung thành với ngôn ngữ nguồn, không dịch theo yêu cầu khách hàng), có ý thức tổ chức kỷ luật lao động, tôn trọng nội quy của cơ quan.
- Có thái độ cởi mở và khoan dung với dị biệt về ngôn ngữ, văn hóa và cách ứng xử khi làm việc trong môi trường đa ngôn ngữ, đa văn hóa.
- Có ý thức cộng đồng, trách nhiệm công dân.
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp

d. Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Tiếng Anh thương mại có năng lực làm việc tại các công ty liên doanh, các cơ quan, xí nghiệp, nhà hàng, khách sạn trong nước và quốc tế ở các vị trí như biên phiên dịch thương mại và du lịch, trợ lý giám đốc, chuyên viên giao dịch thương mại,...

e. Ngoại ngữ hai

Sinh viên ra trường sẽ đạt trình độ tương đương trung cấp (một trong năm ngoại ngữ sau: tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Hàn, tiếng Nhật, tiếng Tây Ban Nha).

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo Cử nhân Đại học thực hiện trong 11 học kỳ

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH: 129 tín chỉ (Không kể GDQP và GDTC)

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Ứng viên có bằng tốt nghiệp Phổ thông trung học hoặc tương đương.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo qui chế học vụ theo hệ thống tín chỉ bậc Đại học, Cao đẳng hệ chính quy của Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh (Ban hành theo Quyết định số 759/QĐ-ĐHM ngày 9 tháng 9 năm 2009 của Hiệu trưởng ĐH Mở Tp.HCM).

Sinh viên tốt nghiệp sau khi hoàn thành 129 tín chỉ.

Sinh viên phải đạt chuẩn ngôn ngữ đầu ra là TOEFL 550, IELTS 5.5 hoặc đạt điểm tương đương trong kỳ thi do Trường tổ chức.

Đối với chuẩn chuyên ngành đầu ra, sinh viên chuyên ngành Anh văn thương mại phải có chứng chỉ BEC - Vantage (Business English Certificate).

6. THANG ĐIỂM

Tất cả các môn (kể cả khóa luận) quy định trong chương trình đào tạo được đánh giá theo thang điểm 10.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH (tên gọi và khối lượng các học phần)

STT		MÔN HỌC	SỐ TÍN CHỈ			GHI CHÚ
			LT	TH	Tổng	
7.1 Kiến thức Giáo dục Đại cương			35	2	37	
<u>7.1.1. Lý luận Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh</u>			10		10	
1	1	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin (P1)	2		2	
2	2	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin (P2)	3		3	
3	3	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	3		3	
4	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2	

<u>7.1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</u>			6		6	
<u>Môn bắt buộc</u>			2		2	
5	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		2	
<u>Môn tự chọn: Sinh viên chọn 2 trong 4 môn sau</u>			4		4	
6	1	Cơ sở ngôn ngữ học	2		2	
7	2	Cơ sở Văn hóa Việt Nam	2		2	
8	3	Tiếng Việt thực hành	2		2	
9	4	Ngôn ngữ học đối chiếu	2		2	
<u>7.1.3. Ngoại ngữ hai (Chọn 1 trong 5 ngôn ngữ sau)</u>			15		15	
10	1	Tiếng Hoa 1- 5	15		15	
11	2	Tiếng Pháp 1- 5	15		15	
12	3	Tiếng Nhật 1- 5	15		15	
13	4	Tiếng Hàn 1- 5	15		15	
14	5	Tiếng Tây Ban Nha 1- 5	15		15	
<u>7.1.4. Tin Học</u>			4	2	6	
15	1	Tin học đại cương	2	1	3	
16	2	Tin học chuyên ngành	2	1	3	
<u>7.1.4. Giáo dục thể chất:</u>			5			
17	1	Giáo dục thể chất 1,2	5			
<u>7.1.6. Giáo dục quốc phòng</u>			7			
18	1	Giáo dục quốc phòng	7			
7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP					92	
<u>7.2.1. Kiến thức ngành tiếng Anh thương mại</u>			65		65	
A. Khối kiến thức tiếng			54		54	
19	1	Ngữ pháp	3		3	
20	2	Viết 1	3		3	
21	3	Viết 2	3		3	
22	4	Viết 3	3		3	

23	5	Nghe nói 1	3		3	
24	6	Nghe nói 2	3		3	
25	7	Nghe nói 3	3		3	
26	8	Nghe nói 4	3		3	
27	9	Nghe nói 5	3		3	
28	10	Nghe nói 6	3		3	
29	11	Đọc hiểu 1	3		3	
30	12	Đọc hiểu 2	3		3	
31	13	Đọc hiểu 3	3		3	
32	14	Đọc hiểu 4	3		3	
33	15	Luyện dịch 1	3		3	
34	16	Luyện dịch 2	3		3	
35	17	Luyện dịch 3	3		3	
36	18	Luyện phát âm Anh-Mỹ	3		3	
B. Khối kiến thức ngôn ngữ			6		6	
37	1	Ngữ âm - Âm vị học	2		2	
38	2	Cú pháp - Hình thái học	2		2	
39	3	Ngữ nghĩa học	2		2	
C. Khối kiến thức văn hóa - văn học			5		5	
40	1	Văn hóa Anh - Mỹ	3		3	
Chọn 1 trong 2 môn			2		2	
41	1	Văn học Anh	2		2	
42	2	Văn học Mỹ	2		2	
7.2.2. Kiến thức chuyên ngành phụ Quản trị kinh doanh			15		15	
Kiến thức chuyên ngành phụ bắt buộc			12		12	
43	1	Quản trị học (Introduction to Management)	3		3	
44	2	Marketing căn bản (Introduction to Marketing)	3		3	
45	3	Nguyên lý kế toán (Principles of Accounting)	3		3	

46	4	Kinh tế vi mô (Microeconomics)	3		3	
Kiến thức chuyên ngành phụ tự chọn (chọn 1 môn)			3		3	
47	1	Quan hệ công chúng (Public Relations)	3		3	
48	2	Nghiệp vụ văn phòng (Office Skills)	3		3	
49	3	Tiền tệ ngân hàng (Money & Banking)	3		3	
7.2.3. Kiến thức bổ trợ						
<i>(chọn 1 trong số các môn học sau)</i>			2		2	
50	1	Nghiệp vụ / giao dịch ngân hàng (Banking and Financial Services 1)	2		2	
51	2	Thanh toán quốc tế (Banking and Financial Services 2)	2		2	
52	4	Đàm phán trong kinh doanh (Business Negotiation)	2		2	
53	6	Giao tiếp trong kinh doanh (Conversation in business)	2		2	
54	7	Anh ngữ du lịch	2		2	
55	8	Anh ngữ kinh doanh	2		2	
56	9	Anh ngữ nhân dụng	2		2	
57	10	Kỹ năng thuyết trình	2		2	
58	11	Kỹ năng làm bài thi TOEFL	2		2	
59	12	Kỹ năng làm bài thi BEC	2		2	
7.2.4. Thực tập tốt nghiệp và làm khóa luận			10		10	
60	1	Thực tập tốt nghiệp	3		3	
61	2	Khóa luận tốt nghiệp <i>hoặc</i> hoàn tất các môn thay thế sau:	7		7	
		- 1 môn trong phần kiến thức chuyên ngành phụ tự chọn	3		3	
		- 2 môn trong phần kiến thức bổ trợ	4		4	

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (Phân bổ các môn học theo học kỳ)

TT	TÊN MÔN HỌC				MÔN HỌC TRƯỚC	MÔN TIÊN QUYẾT
		LT	TH	TC		
Học kỳ I (năm thứ nhất)		14		14		
1	Nghe nói 1	3		3		
2	Ngữ pháp	3		3		
3	Luyện phát âm Anh - Mỹ	3		3		
4	Khoa học xã hội và nhân văn (tự chọn 1)	2		2		
6	Tin học đại cương	3		3		
Học kỳ II (năm thứ nhất)		12		12		
1	Nghe nói 2	3		3	Nghe nói 1	
2	Viết 1	3		3	Ngữ pháp	
3	Đọc hiểu 1	3		3		
4	Tin học ứng dụng	3		3	Tin học đại cương	
Học kỳ III (năm thứ nhất)		14		14		
1	Nghe nói 3	3		3	Nghe nói 2	
2	Viết 2	3		3	Viết 1	
3	Đọc hiểu 2	3		3	Đọc hiểu 1	
4	Ngoại ngữ hai 1	3		3		
5	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin (Phần I)	2		2		
6	Giáo dục quốc phòng	7		7	Không cộng vào số TC	
7	Giáo dục thể chất 1	2		2	Không cộng vào số TC	
Học kỳ I (năm thứ hai)		12		12		
1	Nghe nói 4	3		3	Nghe nói 3	
2	Viết 3	3		3	Viết 2	
3	Đọc hiểu 3	3		3	Đọc hiểu 2	
4	Ngoại ngữ hai 2	3		3	Ngoại ngữ hai 1	

6	Giáo dục thể chất 2	3		3	Không cộng vào số TC	
Học kỳ II (năm thứ hai)		17		17		
1	Nghe nói 5	3		3	Nghe nói 4	
2	Đọc hiểu 4	3		3	Đọc hiểu 3	
3	Luyện dịch 1	3		3		
4	Khoa học xã hội và nhân văn (tự chọn 2)	2		2		
4	Những NLCB của Chủ nghĩa Mác-Lênin (Phần II)	3		3		
5	Ngoại ngữ hai 3	3		3	Ngoại ngữ hai 2	
Học kỳ III (năm thứ hai)		14		14		
1	Nghe nói 6	3		3	Nghe nói 5	
2	Luyện dịch 2	3		3		
3	Văn hóa Anh - Mỹ	3		3		
4	Ngoại ngữ hai 4	3		3	Ngoại ngữ hai 3	
5	Phương pháp Nghiên cứu Khoa học	2		2		
Học kỳ I (năm thứ ba)		13		13		
1	Văn học Anh hoặc Văn học Mỹ	2		2		
2	Luyện dịch 3	3		3		
3	Ngoại ngữ hai 5	3		3	Ngoại ngữ hai 4	
4	Môn bổ trợ	2		2		
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		3		
Học kỳ II (năm thứ ba)		11		11		
1	Ngữ âm - Âm vị học	2		2		
2	Kinh tế vi mô	3		3		
3	Môn chuyên ngành tự chọn	3		3		
4	Quản trị học	3		3		
Học kỳ III (năm thứ ba)		13		13		
1	Cú pháp - Hình thái học	2		2		
2	Marketing căn bản	3		3		
3	Ngữ nghĩa học	2		2		
4	Nguyên lý kế toán	3		3		

5	Đường lối Cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3		3		
Học kỳ I (năm thứ tư)		3		3		
1	Thực tập tốt nghiệp	3		3		
Học kỳ II (năm thứ tư)		7		7		
2	Khóa luận hoặc học môn thay thế	7		7		
	Môn chuyên ngành tự chọn (<i>môn thay thế khóa luận TN</i>)	3		3		
	Môn bổ trợ (<i>môn thay thế khóa luận TN</i>)	2		2		
	Môn bổ trợ (<i>môn thay thế khóa luận TN</i>)	2		2		

9. MÔ TẢ MÔN HỌC (ĐÍNH KÈM)

10. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

10.1 NGOẠI NGỮ PHỤ

Sinh viên có thể nộp các chứng chỉ trình độ tiếng Pháp, tiếng Hoa, tiếng Nhật, tiếng Hàn và tiếng Tây Ban Nha để được miễn giảm ngoại ngữ. **Quy định xét miễn giảm thực hiện theo quy định của trường.**

10.2 ĐIỀU KIỆN ĐỂ ĐƯỢC NHẬN KHÓA LUẬN

Để được đăng ký khóa luận tốt nghiệp, sinh viên phải đạt được những điều kiện sau:

- Tính đến học kỳ thứ 9, sinh viên phải tích lũy đủ **119** tín chỉ và có điểm trung bình tích lũy đạt từ **7.5** trở lên
- Điểm học phần thực tập tốt nghiệp từ 8 điểm trở lên.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

GIÁM ĐỐC CTĐTĐB

PGS.TS.Nguyễn Thuận

PGS.TS.Nguyễn Minh Kiều